

Tăng trưởng dựa trên sự phục hồi khách quốc tế

Giá Mục tiêu

64.500 Đồng

Ngày báo cáo: 3/10/2024

Giá CP ngày 3/10/2024: 56.000 đồng

% Tăng giá: 15,2%

NGÀNH: **VẬN TÀI**

TPPTCP: Nguyễn Hoàng Giang

Email: giangnh@ssi.com.vn

SĐT: +84-24 39366321 ext.8703

Chỉ tiêu cơ bản

Vốn hóa (tỷ đồng): 2.520

KLGDTB 3 tháng (CP): 13.307

Giá Cao/Thấp nhất 52W: 67,1/48,03

Tỷ lệ SHNN(%): 43%

Tỷ lệ sở hữu NN (%): 0%

Biến động giá



	3M	YTD	1Y	2Y
VNIindex	1%	14%	11%	14%
AST	-8%	15%	0%	2%

Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Taseco Airs (AST) thành lập năm 2015 từ bộ phận dịch vụ sân bay của CTCP Dịch vụ hàng không Thăng Long, công ty sáp nhập với 3 công ty trong Tập đoàn vào năm 2016 và đổi tên thành CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco.

AST có 102 cửa hàng tại các sân bay, cung cấp nhiều dịch vụ bao gồm cửa hàng lưu niệm, cửa hàng miễn thuế, nhà hàng và cửa hàng đồ ăn nhanh, phòng chờ VIP, quảng cáo, bên cạnh dịch vụ suất ăn và quản lý khách sạn.

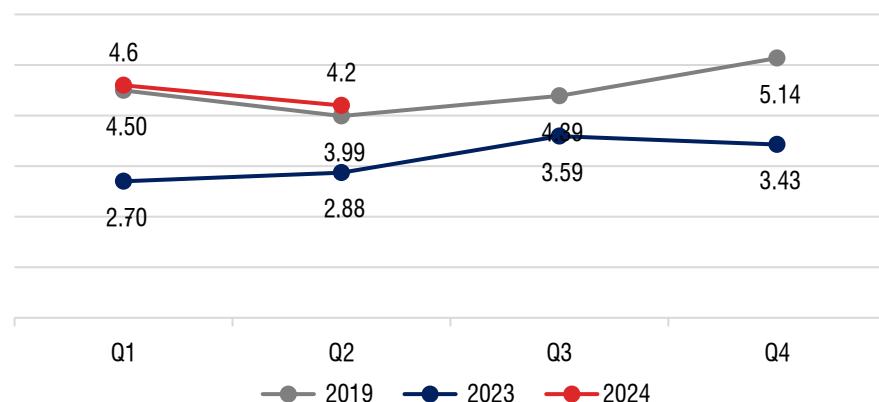
KHẢ QUAN

Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu AST với giá mục tiêu **64.500 đồng/cổ phiếu**, tương ứng với hệ số P/E mục tiêu là 15x và tiềm năng tăng giá 15%. Bên cạnh đó, chính sách cổ tức hấp dẫn được kỳ vọng sẽ quay trở lại với tỷ suất khoảng 6%, tương ứng 3.000-3.500 đồng/cp.

AST đã tiếp tục mở rộng quy mô cả trong giai đoạn đại dịch và gia tăng lợi thế với chuỗi 102 cửa hàng tại nhiều sân bay trên cả nước, sẵn sàng nguồn lực khi nhu cầu thị trường tăng trưởng trở lại. Tăng trưởng trong các năm tới sẽ được dẫn dắt bởi sản lượng hành khách quốc tế, đặc biệt ở thị trường lớn là Trung Quốc mới phục hồi 50% so với trước dịch, và sản lượng hành khách nội địa đang dần quay lại với mức tăng trưởng tự nhiên. Theo đó, chúng tôi ước tính LNST năm 2024 và 2025 tăng trưởng 44% và 16% svck.

Mặc dù chúng tôi kỳ vọng giá trị lợi nhuận ròng sẽ vượt mức năm 2019 vào năm 2024, biên lợi nhuận ròng có thể sẽ duy trì thấp hơn mức trước dịch, do ảnh hưởng của thay đổi trong cách tính phí nhượng quyền khai thác tới tổng chi phí. Đây cũng là nguyên nhân khiến chúng tôi điều chỉnh giảm P/E mục tiêu xuống 15x, so với giá trị 17x trong báo cáo trước đó.

Lượng khách du lịch quốc tế trước và sau Covid (triệu lượt khách)



Nguồn: AST, SSI Research

KQKD 6T2024

Tỷ đồng	6T2024	6T2023	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận		
					6T2024	6T2023	2023
Doanh thu thuần	649	525	23,6%	48%			
Lợi nhuận gộp	395	301	31,0%		60,8%	57,4%	58,1%
Lợi nhuận hoạt động	114	81	41,3%		17,6%	15,4%	15,0%
EBIT	119	85	39,8%		18,3%	16,2%	16,3%
EBITDA	136	102	32,9%		21,0%	19,5%	19,6%
Lợi nhuận trước thuế	118	84	40,8%		18,1%	15,9%	16,1%
Lợi nhuận ròng	93	73	27,0%	51%	14,3%	14,0%	13,7%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đồng công ty mẹ	68	57	18,5%		10,4%	10,9%	10,5%

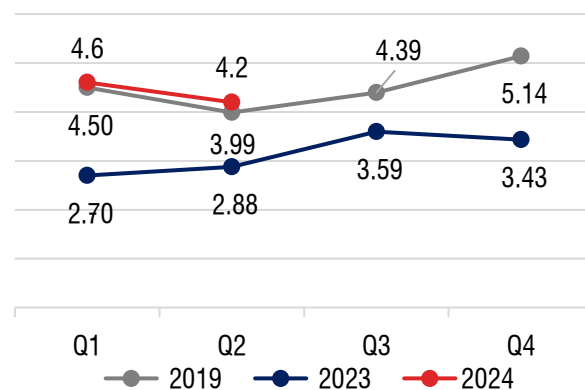
Nguồn: AST, SSI Research

AST là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không với 102 cửa hàng trên khắp các sân bay lớn tại Việt Nam, bao gồm Hà Nội, Đà Nẵng, và TP.HCM. Các cửa hàng này cung cấp một loạt các dịch vụ đa dạng, như bách hóa lưu niệm, hàng miễn thuế, nhà hàng và chuỗi thức ăn nhanh, phòng chờ thương gia, dịch vụ quảng cáo, và quản lý khách sạn.

Trong nửa đầu năm 2024, KQKD của AST ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ sau giai đoạn chịu những ảnh hưởng từ dịch bệnh, với doanh thu đạt 649 tỷ đồng, tăng 23,6% svck, và lợi nhuận ròng đạt 93 tỷ đồng, tăng 153,5% svck. Kết quả này phù hợp với kế hoạch của công ty và lần lượt đạt 46% và 42% ước tính của chúng tôi về doanh thu và lợi nhuận ròng.

Lượng hành khách quốc tế tăng trở lại góp phần cải thiện đáng kể biên lợi nhuận svck. Trong 6 tháng đầu năm 2024, tổng lượng khách du lịch quốc tế đạt 8,8 triệu lượt, tăng 58,4% svck, vượt mức 8,45 triệu lượt khách trong năm 2019. Thị trường Đông Bắc Á là thị trường đóng góp chính vào sự phục hồi về số lượng hành khách. Đáng chú ý, lượng khách du lịch từ Trung Quốc đã phục hồi 229,4% svck, đạt 42% so với mức năm 2019. Số liệu tương ứng từ Hàn Quốc và Đài Loan đã vượt mức trước Covid, lần lượt tăng 42,4% svck và 95,9% svck. Các thị trường trong Châu Âu, hưởng lợi từ chính sách miễn thị thực áp dụng từ cuối năm 2023, cũng thể hiện sự tăng trưởng mạnh mẽ. Các thị trường chính như Anh (+29,9% svck), Pháp (+37,1% svck), và Đức (+32,0% svck) đều cho thấy mức tăng đáng kể.

Biểu đồ 1: Lượng khách du lịch quốc tế trước và sau Covid (triệu lượt khách)

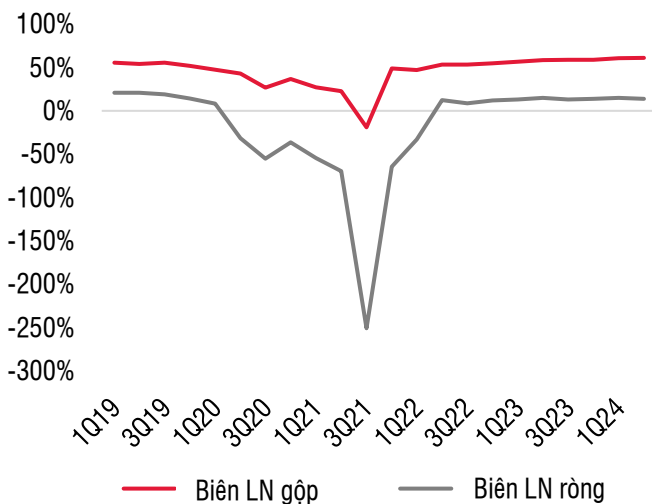


Nguồn: AST, SSI Research

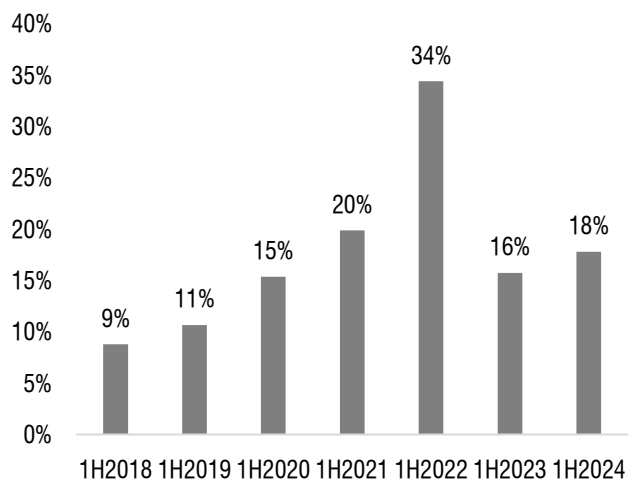
SSI - TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Mặc dù biên lợi nhuận ròng đã cải thiện 14% từ mức thấp trong giai đoạn Covid, nhưng vẫn chưa đạt mức 19% trong giai đoạn trước đó. Có thể điều này chủ yếu là do thay đổi chính sách phí nhượng quyền phải trả, có hiệu lực từ nửa cuối năm 2022, đã gây ảnh hưởng đến biên lợi nhuận ròng. Phí nhượng quyền hiện nay được tính theo phần trăm của doanh thu thay vì mức cố định được đàm phán riêng mỗi cửa hàng. Với mức phí dao động từ 17-24%, phụ thuộc vào địa điểm cửa hàng và hàng hóa/dịch vụ cung cấp, tỷ lệ chi phí mặt bằng trên doanh thu đã tăng đáng kể so với giai đoạn trước Covid. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng thay đổi trong thói quen mua sắm cũng có những tác động tiêu cực đến lợi nhuận của công ty. Theo chia sẻ của công ty, doanh thu trên mỗi cửa hàng vẫn chưa đạt mức năm 2019, cho thấy tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ việc tăng số cửa hàng. Để thích ứng với sự thay đổi này, AST hiện đang tăng số lượng nhà hàng và cửa hàng ăn nhanh thay vì bách hóa quà lưu niệm.

Biểu đồ 2: Biên lợi nhuận theo quý của AST



Biểu đồ 3: Phí thuê/Doanh thu



Nguồn: AST, SSI Research

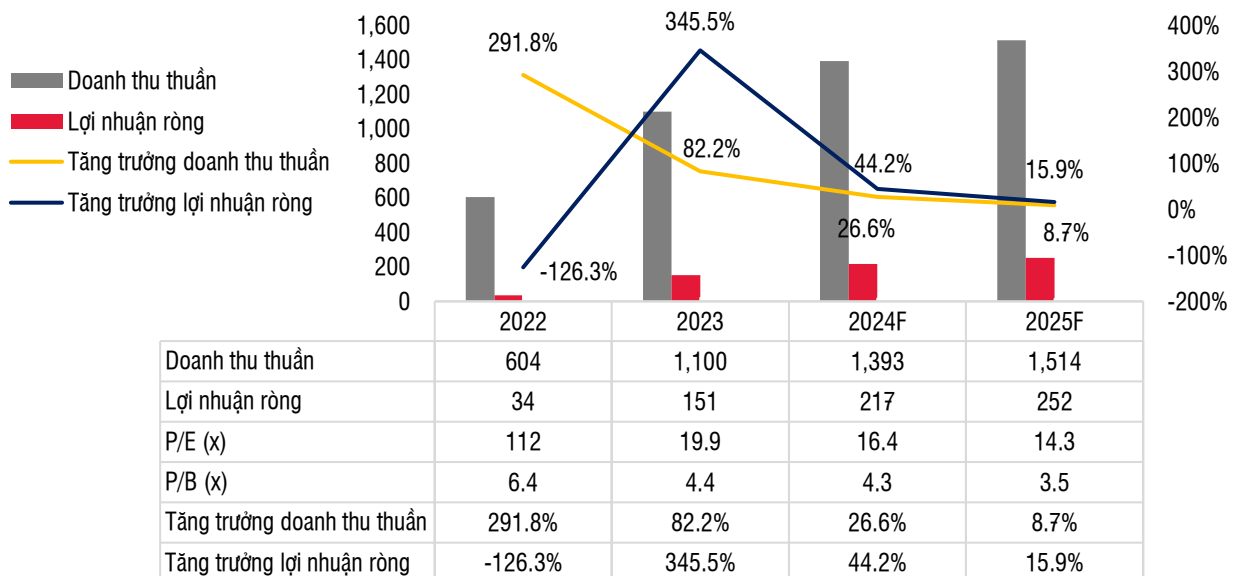
Ước tính

Theo số liệu cập nhật mới đây, số lượng hành khách du lịch quốc tế trong tháng 7/2024 đạt 1,1 triệu lượt, tăng 11% svck. Trong tháng 8, lượng hành khách du lịch quốc tế đạt 1,43 triệu lượt, tăng 24,5% so với tháng trước và tăng gần 18% svck. Do đó, lũy kế 8 tháng đầu năm, sản lượng khách hàng đạt 11,4 triệu lượt khách, tương đương khoảng 90% mức giai đoạn trước Covid.

Do thị trường quốc tế chính là Trung Quốc mới phục hồi khoảng 50% và lưu lượng hành khách nội địa bắt đầu quay lại mức tăng trưởng tự nhiên, sản lượng hành khách quốc tế mở rộng dự kiến sẽ thúc đẩy đáng kể KQKD của AST trong 3 năm tới. Tuy nhiên, trong khi chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng sẽ vượt mức tuyệt đối năm 2019, biên lợi nhuận ròng có khả năng sẽ duy trì ở mức hiện tại do những thay đổi trong cơ cấu chi phí. Chúng tôi duy trì dự báo LNST của cổ đông công ty mẹ (NPATMI) sẽ tăng trưởng với tỷ lệ hàng năm kép là 23% từ năm 2024 đến năm 2026. Tuy nhiên, từ năm 2025, mức tăng trưởng dự kiến sẽ khiêm tốn hơn do mức nền cao của năm 2024. Theo đó, chúng tôi duy trì ước tính doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2024 lần lượt đạt 1.393 tỷ đồng (+26,6% svck) và 217 tỷ đồng (+44% svck). Lợi nhuận ròng nửa cuối năm 2024 dự kiến tăng 32% svck, đạt 124 tỷ đồng. Mức tăng trưởng này phản ánh lượng khách du lịch từ Trung Quốc tăng trở lại từ đầu năm 2024, trong khi chính sách miễn thị thực cho khách du lịch từ phương Tây trong mùa cao điểm dự kiến sẽ thúc đẩy ngành du lịch đáng kể. Sang năm 2025, chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+8,7% svck) và 252 tỷ đồng (+15,9% svck).

Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng mức cổ tức cao sẽ trở lại sau khi bị gián đoạn do ảnh hưởng của đại dịch. Dựa trên dữ liệu chi trả cổ tức trước đây, chúng tôi kỳ vọng trung bình cổ tức giai đoạn 2024-2026 là 3.000-3.500 đồng/cổ phiếu (tương ứng tỷ suất cổ tức là khoảng 6%), tương đương với tỷ lệ chi trả 75%.

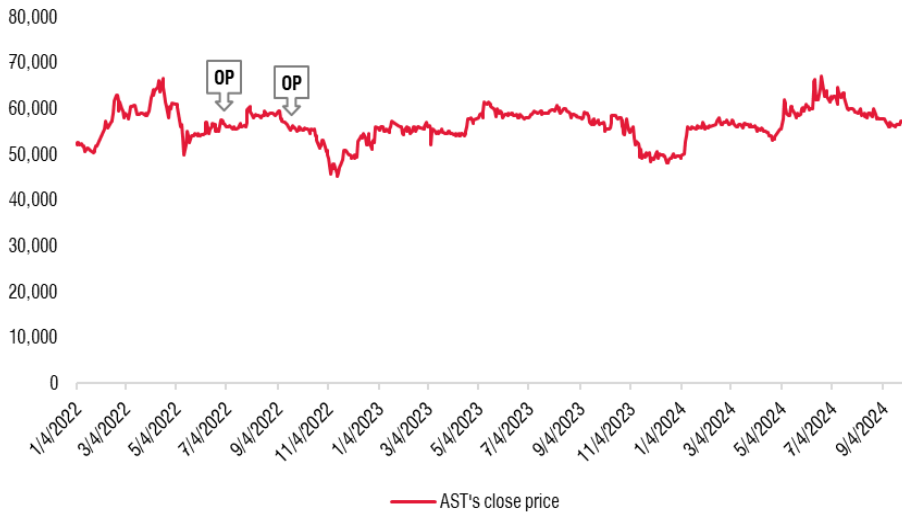
Định giá: Đối với năm 2024 và 2025, chúng tôi ước tính LNST lần lượt đạt 217 tỷ đồng (+44% svck) và 252 tỷ đồng (+16% svck), tương ứng với P/E dự phóng là 13x và 12x. Chúng tôi sử dụng P/E mục tiêu là 15x, nằm trong khoảng lịch sử 12x đến 19x (không tính các giá trị bất thường ở giai đoạn Covid), chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm là **64.500 đồng/cổ phiếu**, tương ứng tiềm năng tăng giá là 15% và khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu AST. Chúng tôi cho rằng việc điều chỉnh giảm P/E mục tiêu xuống từ 17x trong báo cáo mới nhất này là hợp lý với xu hướng biên lợi nhuận ròng sẽ giảm dần trong tương lai.



Quan điểm ngắn hạn: Sang Q3/2024, chúng tôi dự báo đà tăng trưởng lợi nhuận sẽ duy trì ở mức 2 chữ số. Mặc dù mức giá hiện nay chưa phản ánh được tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn, chúng tôi cho rằng đây là một cơ hội tốt cho nhà đầu tư để tích lũy cổ phiếu.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị: Tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng thấp gây ảnh hưởng đến cổ phiếu.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	73	101	148	323
+ Đầu tư ngắn hạn	143	240	240	240
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	66	59	212	231
+ Hàng tồn kho	54	101	117	127
+ Tài sản ngắn hạn khác	14	20	36	39
Tổng tài sản ngắn hạn	350	520	753	959
+ Các khoản phải thu dài hạn	8	6	22	23
+ GTCL Tài sản cố định	112	120	84	59
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	1	0	-10	-20
+ Đầu tư dài hạn	62	69	85	85
+ Tài sản dài hạn khác	46	46	22	24
Tổng tài sản dài hạn	229	241	202	171
Tổng tài sản	579	761	955	1.130
+ Nợ ngắn hạn	116	171	257	276
Trong đó: vay ngắn hạn	31	24	24	24
+ Nợ dài hạn	8	2	2	2
Trong đó: vay dài hạn	8	2	2	2
Tổng nợ phải trả	123	174	259	279
+ Vốn góp	450	450	450	450
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	-55	55	151	273
+ Quý khác	61	82	108	141
Vốn chủ sở hữu	455	588	709	864
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	579	761	968	1.143
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	92	178	163	275
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-22	-125	-26	-10
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-6	-25	-90	-90
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	64	28	47	175
Tiền đầu kỳ	9	73	101	148
Tiền cuối kỳ	73	101	148	323
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	3,03	3,04	2,93	3,47
Hệ số thanh toán nhanh	2,44	2,33	2,34	2,87
Hệ số thanh toán tiền mặt	1,87	1,99	1,51	2,03
Nợ ròng / EBITDA	0,03	-0,25	-0,33	-0,58
Khả năng thanh toán lãi vay	13,57	95,12	136,68	239,95
Ngày phải thu	13,9	8,2	15,1	22,5
Ngày phải trả	39,9	40,1	50,5	63,6
Ngày tồn kho	52,6	61,1	61,7	63,7
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,79	0,77	0,73	0,76
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,21	0,23	0,27	0,24
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,3	0,37	0,32
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,04	0,04	0,03
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,04	0,03	0,03

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	604	1.100	1.393	1.514
Giá vốn hàng bán	-284	0	-644	-699
Lợi nhuận gộp	319	639	749	815
Doanh thu hoạt động tài chính	10	17	26	19
Chi phí tài chính	-4	-5	-2	-2
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-164	-314	-418	-454
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-121	-168	-109	-118
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37	170	247	305
Thu nhập khác	2	7	9	10
Lợi nhuận trước thuế	39	178	256	315
Lợi nhuận ròng	34	151	217	252
Lợi nhuận chia cho cổ đông	23	151	191	219
Lợi ích của cổ đông thiểu số	11	0	26	33
EPS cơ bản (VND)	499	2.491	4.118	4.720
Giá trị sổ sách (VND)	8.769	11.230	13.349	16.069
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	1.200	3000	3.000
EBIT	42	179	258	316
EBITDA	80	179	301	361
Tăng trưởng				
Doanh thu	291,8%	82,2%	26,6%	8,7%
EBITDA	-190,5%	125,0%	67,7%	19,9%
EBIT	-133,6%	324,2%	43,7%	22,5%
Lợi nhuận ròng	-126,3%	345,5%	44,2%	15,9%
Vốn chủ sở hữu	10,4%	29,0%	20,7%	21,9%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	15,2%	31,5%	25,5%	18,3%
Định giá				
P/E	112	19,9	16,4	14,3
P/B	6,4	4,4	4,3	3,5
Giá/Doanh thu	4,2	2	1,8	1,7
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	3,5%	3,5%
EV/EBITDA	29,9	9,1	8	6,7
EV/Doanh thu	4	1,8	1,7	1,6
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	52,9%	58,1%	53,8%	53,8%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	5,3%	15,0%	16,3%	18,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	5,6%	13,7%	15,6%	16,6%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	27,2%	28,5%	30,0%	30,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	20,1%	15,3%	7,8%	7,8%
ROE	7,8%	28,9%	33,5%	32,0%
ROA	6,3%	22,5%	25,3%	24,1%
ROIC	7,7%	27,5%	32,4%	31,1%

Nguồn: AST, SSI dự báo

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Ngành Vận tải

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Hồ Hữu Tuấn Hiếu. CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8704

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 28) 3824 2897 ext. 6737

Visit SSI Research on Bloomberg at **RESP SSIV<GO>**

SSI Research Web Portal: <https://www.ssi.com.vn/khach-hang-ca-nhan/bao-cao-cong-ty>